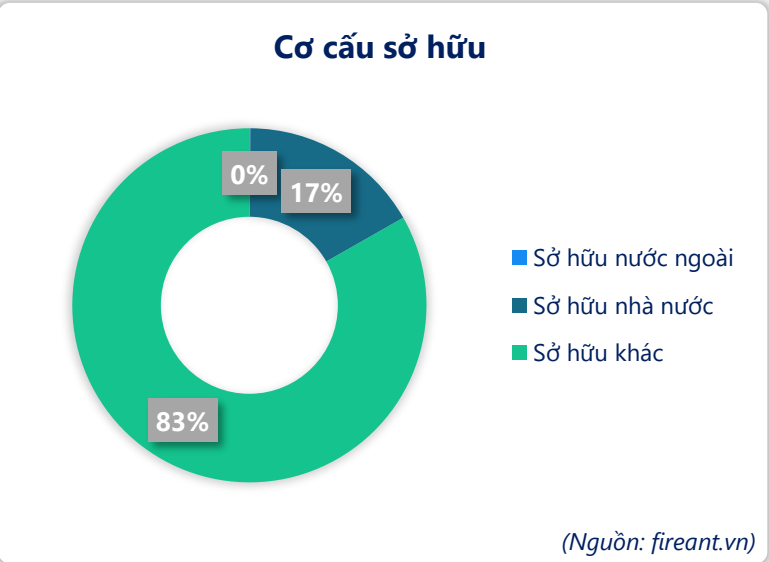
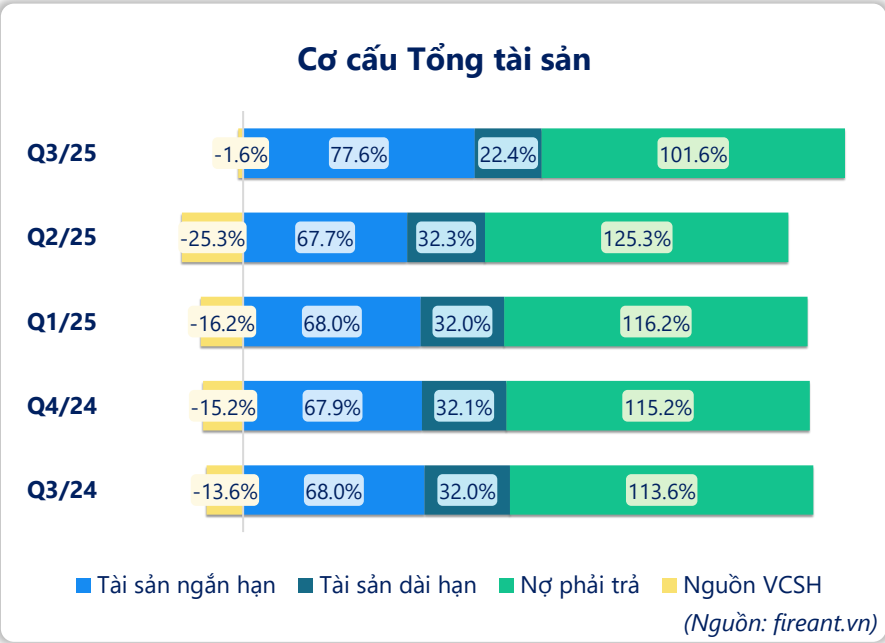
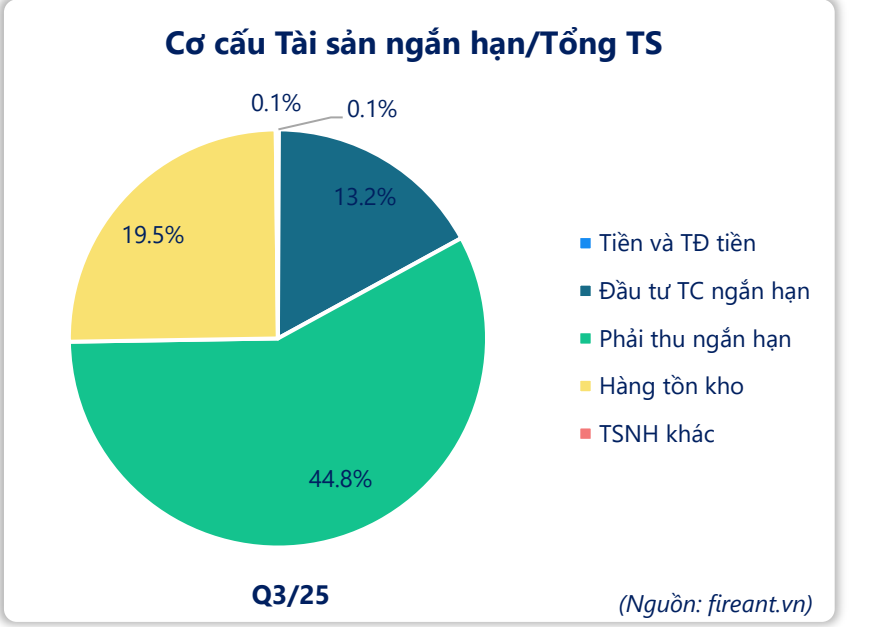
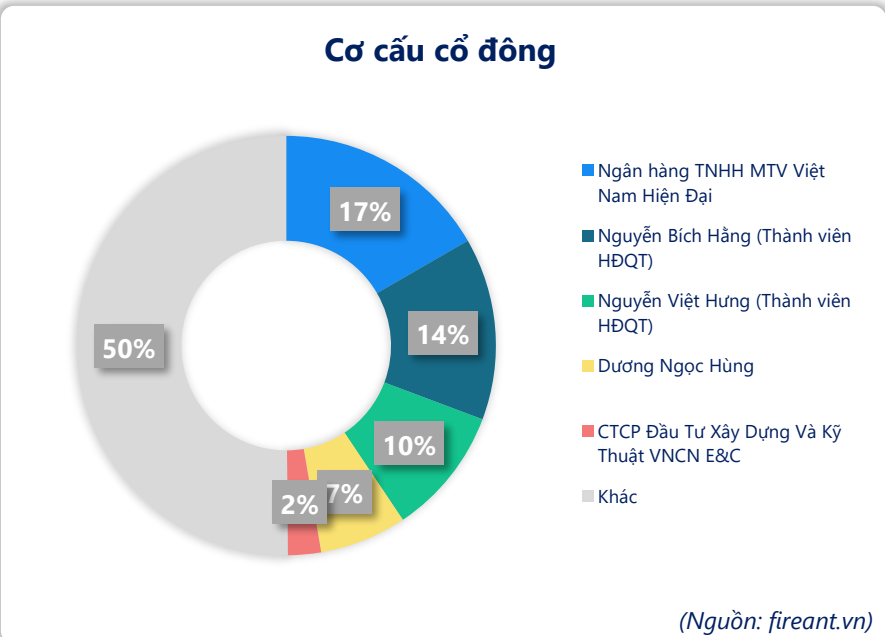
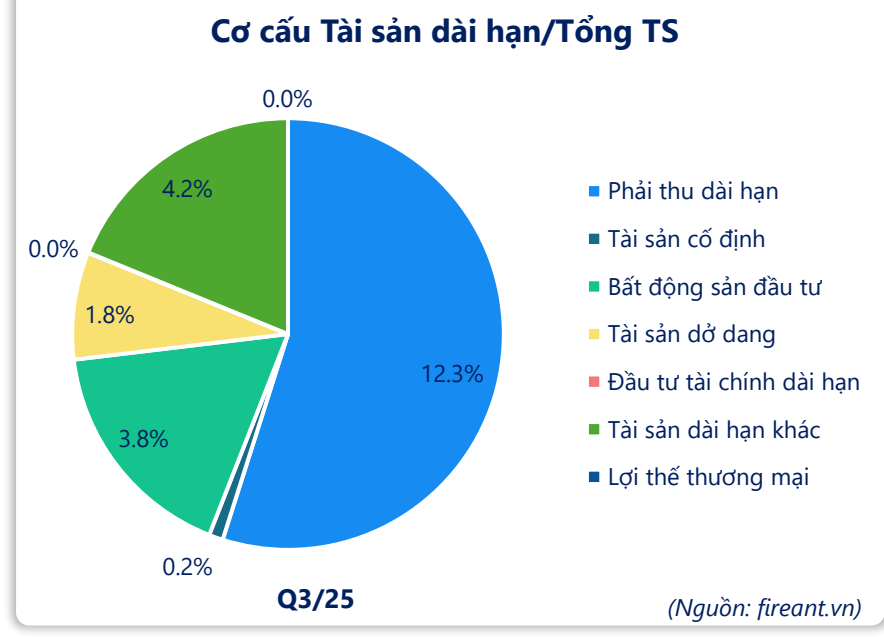
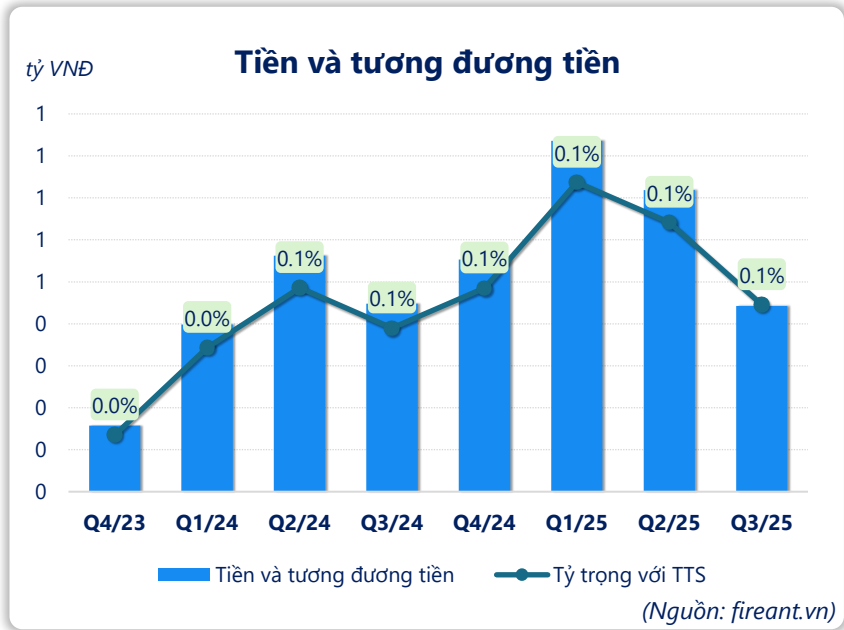
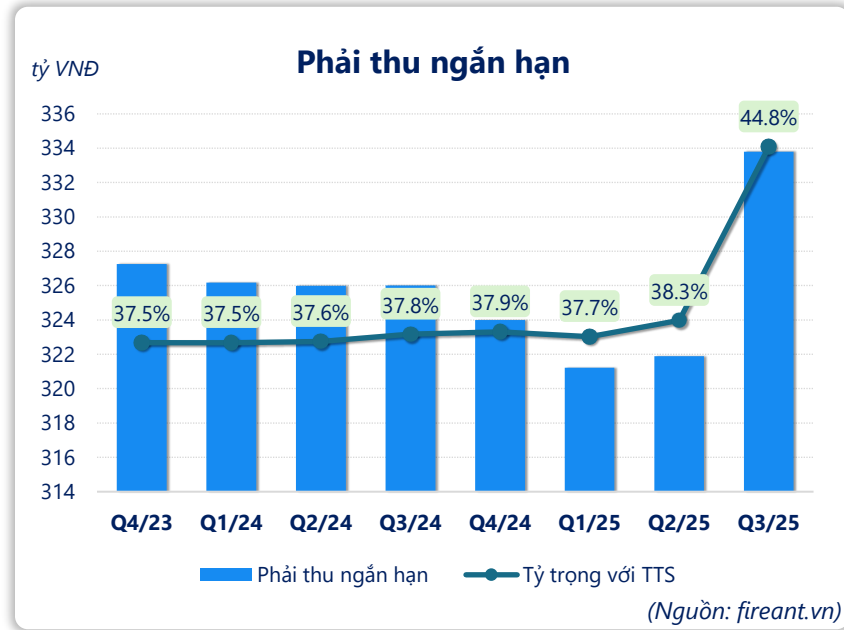
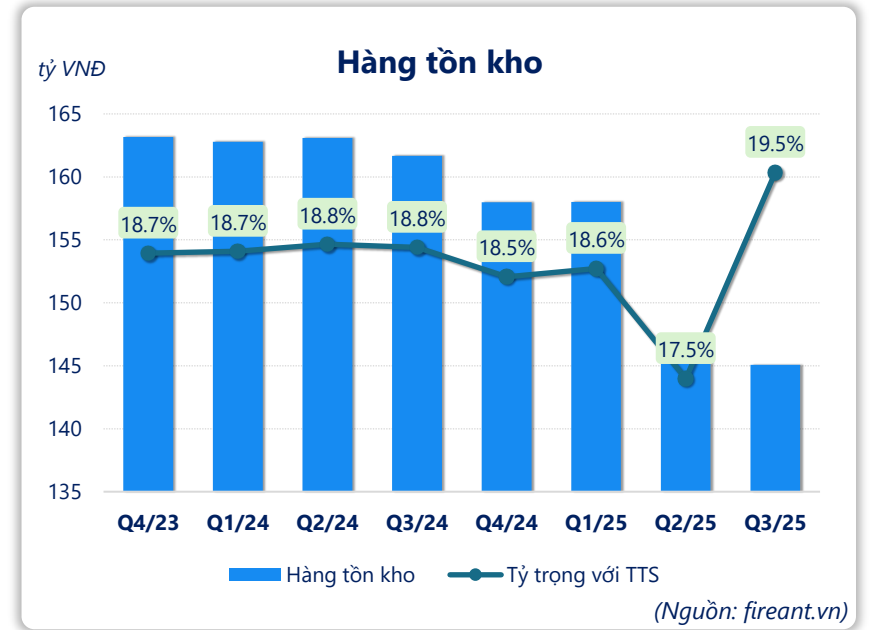
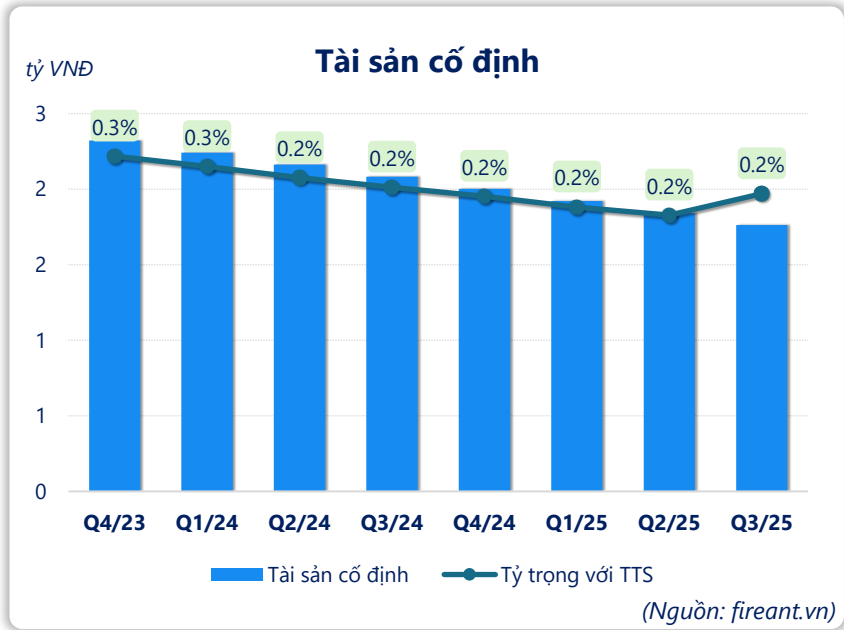
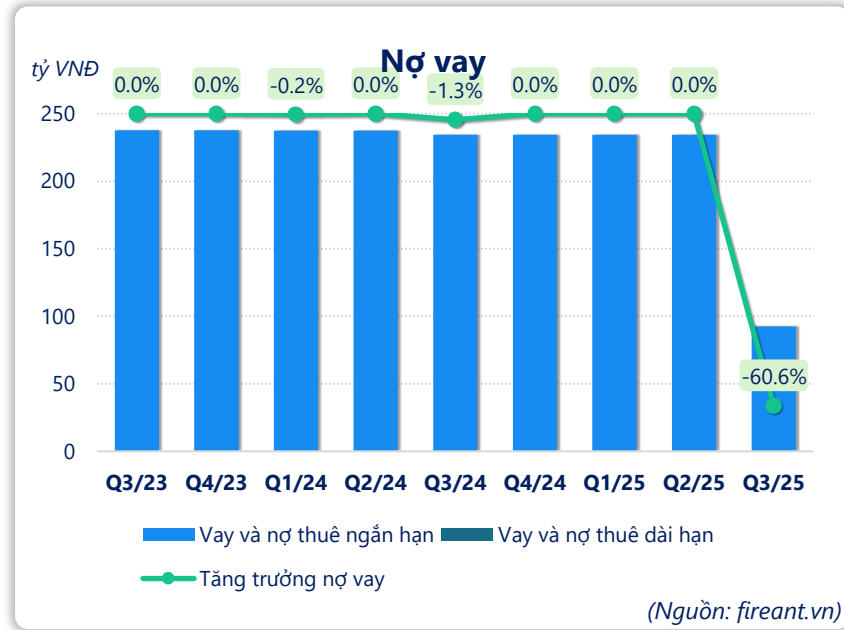
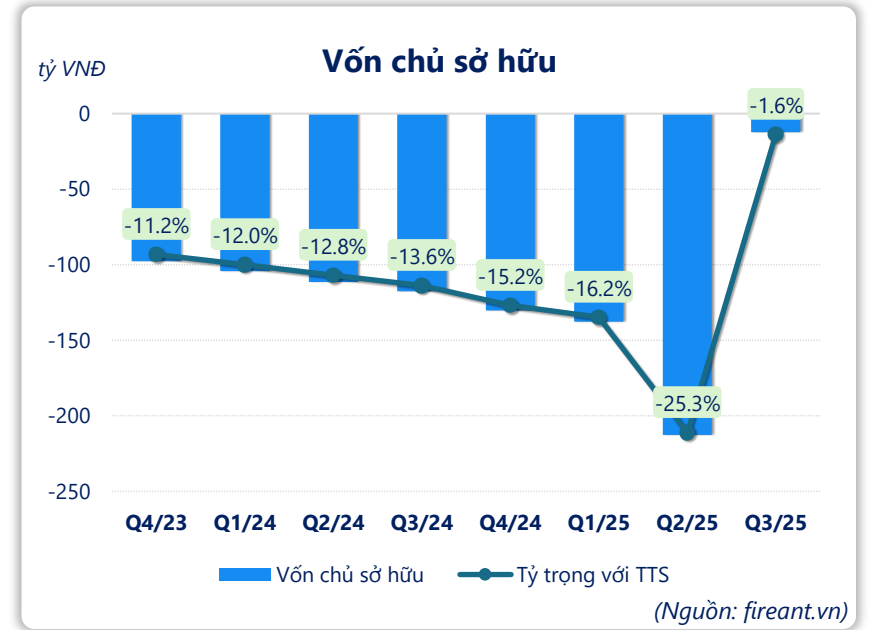
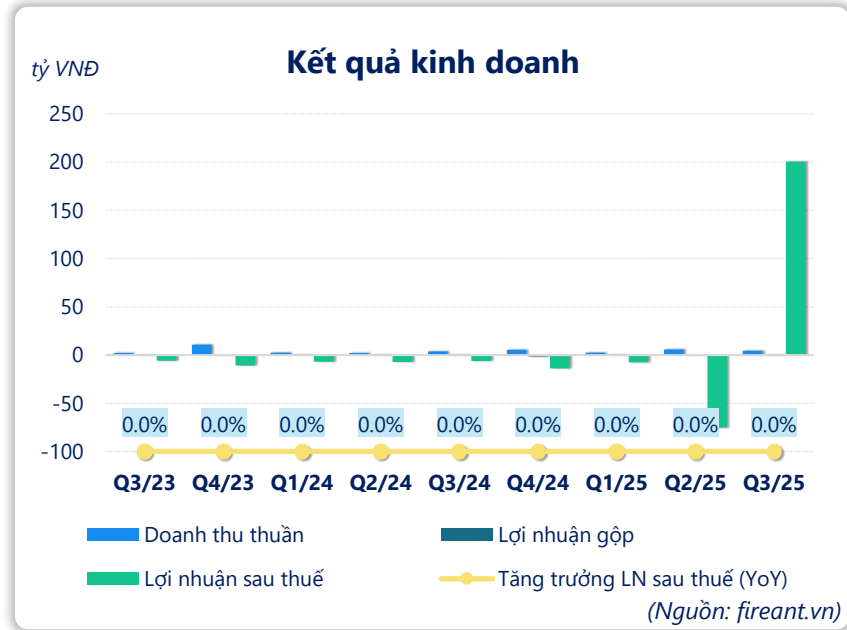
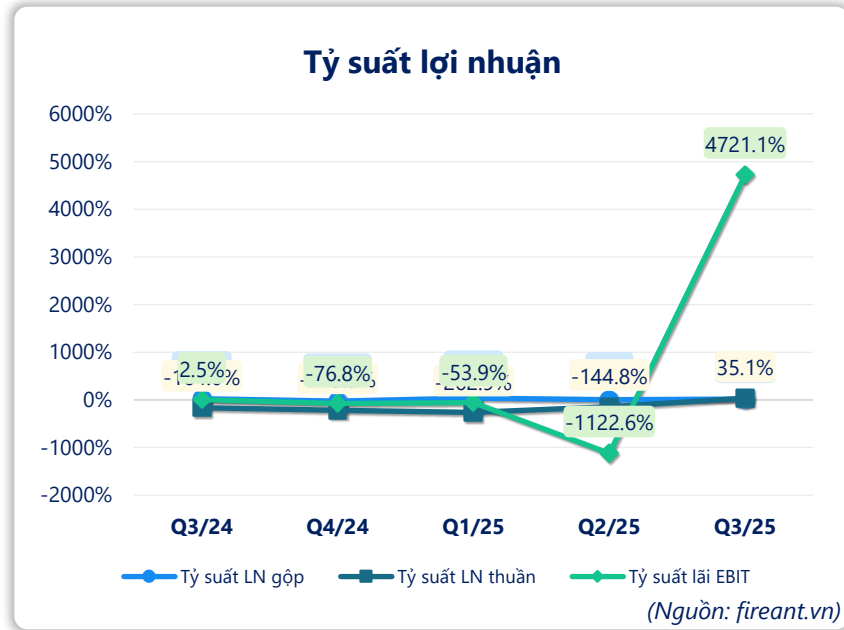
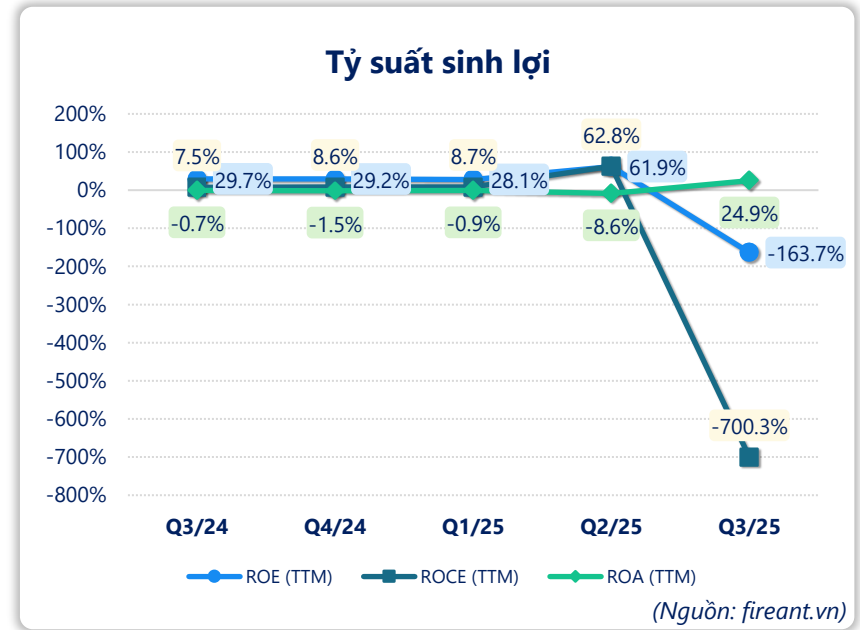
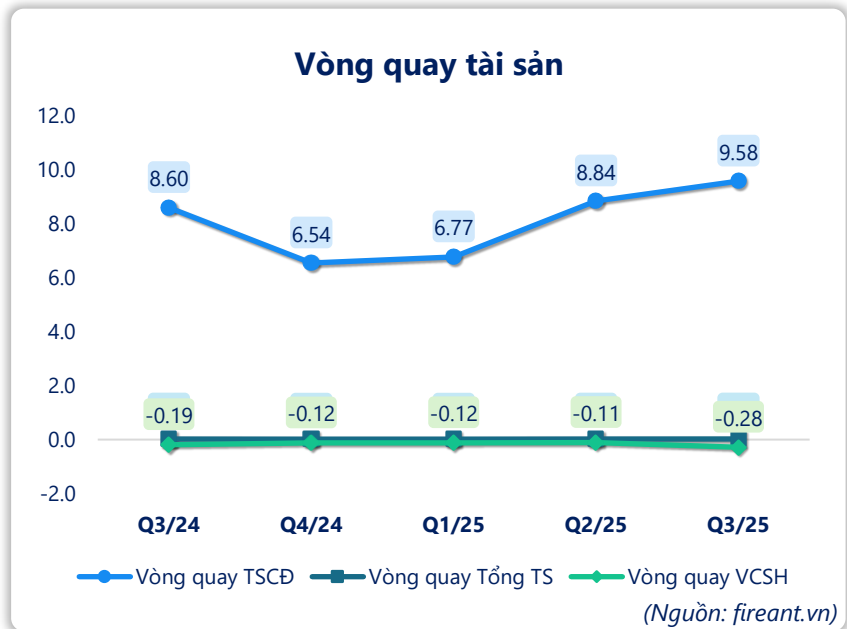
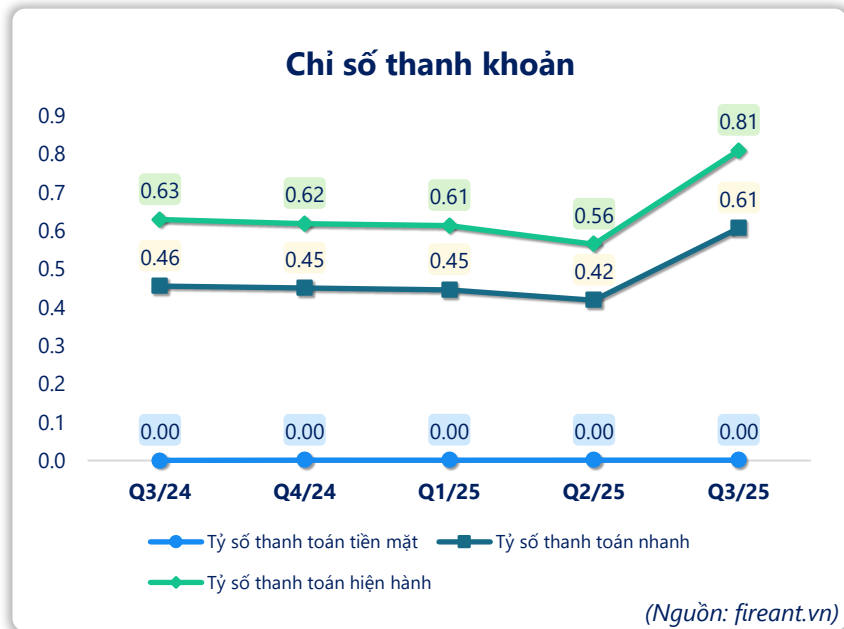
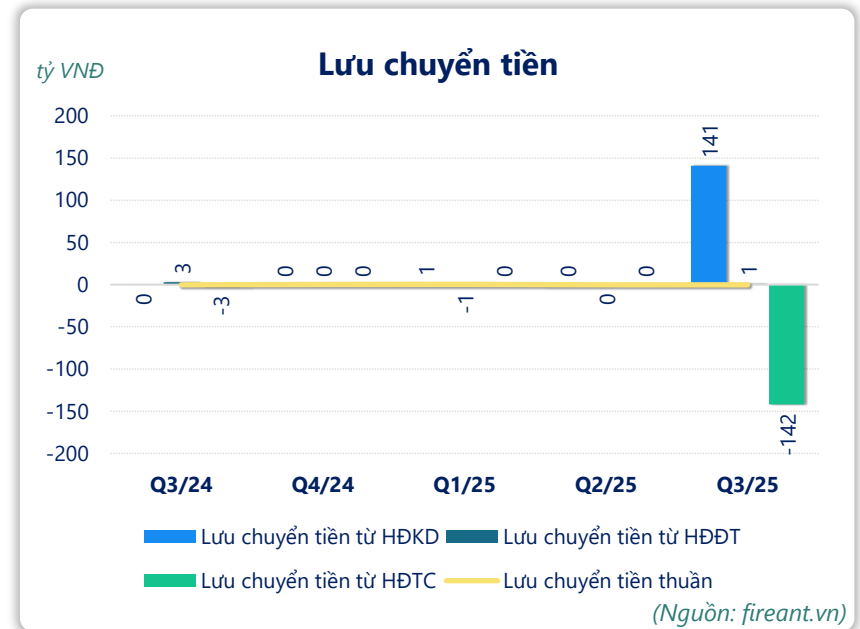


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,200
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20,240
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		45
P/E		0.4
EPS		3,543

	YTD	1T	3T	6T
PVV	15.4%	15.4%	15.4%	15.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	746	854	-12.7%
Tài sản ngắn hạn	578	580	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.44	0.55	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.1	97.8	0.3%
Phải thu ngắn hạn	334	324	3.0%
Hàng tồn kho	145	158	-8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.00	23027%
Tài sản dài hạn	167	274	-39.0%
Phải thu dài hạn	91.8	194	-52.6%
Tài sản cố định	1.76	2.00	-12.0%
Bất động sản đầu tư	28.7	30.1	-4.8%
Tài sản dở dang	13.5	13.5	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản dài hạn khác	31.5	34.7	-9.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	758	985	-23.0%
Nợ ngắn hạn	714	938	-23.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.4	234	-60.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	136	137	-0.6%
Nợ dài hạn	43.6	46.3	-5.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-12.3	-130	90.6%
Vốn chủ sở hữu	-12.3	-130	90.6%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3.72	5.66	2.36	5.96	4.43
Giá vốn hàng bán	2.93	7.12	1.47	5.65	3.75
Lợi nhuận gộp	0.80	-1.46	0.89	0.31	0.68
Doanh thu HĐTC	0.59	0.00	0.00	0.01	0.00
Chi phí TC	6.32	9.07	6.12	7.41	-2.47
Chi phí lãi vay	6.29	7.96	6.16	7.05	3.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.01
Chi phí QLDN	1.18	1.70	0.96	1.54	1.59
LN thuần từ HĐKD	-6.11	-12.2	-6.20	-8.63	1.55
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.08	-1.23	-65.3	204
LN trước thuế	-6.19	-12.3	-7.43	-73.9	206
Lợi nhuận sau thuế	-6.20	-13.6	-7.44	-75.1	200
LNST của CĐ cty mẹ	-6.20	-13.2	-7.44	-73.4	200

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.08	0.10	0.98	0.18	141
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.97	0	-0.70	-0.30	0.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.00	0	0	0	-142
Tiền đầu kỳ	0.56	0.45	0.55	0.84	0.72
Lưu chuyển tiền thuần	-0.11	0.10	0.28	-0.12	-0.28
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.45	0.55	0.84	0.72	0.44

(Nguồn: fireant.vn)